

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22./2024/CBTT-TTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

- Mã chứng khoán: VNG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 1900 55 88 55 Fax:
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công công bố thông tin về việc Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024 đã được kiểm toán (theo file đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2024 tại đường dẫn <https://ttchospitality.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHAN THỊ HỒNG VÂN

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 63

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch, kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
	Thành viên	đến ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Trần Thiện Thanh Thùy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Huỳnh Thị Nga	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập	

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Châu Thị Kim Phước.

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán ("UBKT") trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch	
Bà Trần Thiện Thanh Thùy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Huỳnh Thị Nga	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phan Thị Hồng Vân.

Bà Châu Thị Kim Phước được Bà Phan Thị Hồng Vân ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định số 17/2024/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 11950306/E-67722224-LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 63, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.026.720.532.579	778.503.910.789
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	43.309.965.147	91.142.917.268
111	1. Tiền		32.686.117.149	70.633.907.661
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.623.847.998	20.509.009.607
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		15.000.000.000	12.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	15.000.000.000	12.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		867.389.147.142	560.424.147.666
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	303.028.408.058	112.045.595.322
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	104.032.916.304	108.397.682.828
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	86.918.000.000	85.830.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	379.181.584.940	259.976.964.436
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8, 10	(5.771.762.160)	(5.826.094.920)
140	IV. Hàng tồn kho	11	9.186.038.863	9.095.998.617
141	1. Hàng tồn kho		9.186.038.863	9.095.998.617
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		91.835.381.427	105.840.847.238
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.584.174.966	11.268.838.341
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	22	88.209.690.374	94.520.557.829
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	41.516.087	51.451.068

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.951.701.780.604	3.131.533.343.548
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		106.093.927.312	94.718.115.648
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	42.000.000.000	42.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	64.093.927.312	52.718.115.648
220	II. Tài sản cố định		2.037.817.092.748	2.063.225.933.186
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.834.198.609.429	1.863.681.823.794
222	Nguyên giá		2.383.386.004.460	2.375.145.356.987
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(549.187.395.031)	(511.463.533.193)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	4.054.995.796	-
225	Nguyên giá		4.058.377.778	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.381.982)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	199.563.487.523	199.544.109.392
228	Nguyên giá		247.836.708.938	244.164.208.938
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(48.273.221.415)	(44.620.099.546)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		394.790.739.070	359.323.992.460
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	394.790.739.070	359.323.992.460
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	18	334.249.072.601	523.409.353.428
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	229.331.734.574	307.117.793.428
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	106.955.017.810	218.329.239.783
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(2.037.679.783)	(2.037.679.783)
260	V. Tài sản dài hạn khác		78.750.948.873	90.855.948.826
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	67.044.332.247	78.295.135.259
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	3.878.536.375	3.756.693.405
269	3. Lợi thế thương mại	19	7.828.080.251	8.804.120.162
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.978.422.313.183	3.910.037.254.337

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.858.322.054.540	2.790.928.220.581
310	I. Nợ ngắn hạn		1.354.783.151.041	718.003.989.590
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	120.895.094.163	99.083.277.605
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	44.952.597.348	58.761.098.313
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	56.438.767.477	63.451.091.945
314	4. Phải trả người lao động		9.629.678.065	11.804.242.699
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	50.303.221.830	48.430.020.279
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	5.773.921.643	6.126.094.901
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	25	82.579.694.150	56.696.250.104
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	26	984.207.014.919	373.487.965.479
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.16	3.161.446	163.948.265
330	II. Nợ dài hạn		1.503.538.903.499	2.072.924.230.991
331	1. Phải trả người bán dài hạn	20	25.099.941.069	56.234.346.072
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	21	4.746.250.000	4.860.160.000
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	1.363.652.583	1.363.652.583
337	4. Phải trả dài hạn khác	25	96.894.280.000	128.145.514.013
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	26	1.346.641.212.316	1.853.354.406.072
341	6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	28.793.567.531	28.966.152.251
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.120.100.258.643	1.119.109.033.756
410	I. Vốn chủ sở hữu	27.1	1.120.100.258.643	1.119.109.033.756
411	1. Vốn cổ phần		972.766.080.000	972.766.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	972.766.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.459.866.414	106.459.866.414
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		18.567.770.000	18.567.770.000
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		69.865.775	69.865.775
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		6.749.515.451	6.749.515.451
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.367.003.263	1.367.003.263
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.861.821.724	10.653.745.023
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		10.653.745.023	7.326.202.593
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.208.076.701	3.327.542.430
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.258.336.016	2.475.187.830
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.978.422.313.183	3.910.037.254.337

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng

Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	377.968.144.287	306.318.606.829
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	377.968.144.287	306.318.606.829
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(261.953.528.484)	(214.824.686.432)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		116.014.615.803	91.493.920.397
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	81.492.531.089	46.285.123.268
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	30	(121.437.055.561) (116.879.992.485)	(77.680.315.261) (73.739.782.862)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	18.1	(6.903.732.385)	8.479.806.118
25	9. Chi phí bán hàng	31	(15.467.936.970)	(15.847.799.167)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(37.981.141.303)	(42.649.727.720)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.717.280.673	10.081.007.635
31	12. Thu nhập khác	32	2.791.531.402	928.736.604
32	13. Chi phí khác	32	(2.273.021.565)	(2.150.888.140)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	32	518.509.837	(1.222.151.536)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.235.790.510	8.858.856.099
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(15.538.993.313)	(8.150.833.903)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	294.427.690	401.569.490
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		991.224.887	1.109.591.686
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.208.076.701	1.249.609.812
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(216.851.814)	(140.018.126)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.4	12	13
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.4	12	13



Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập



Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng




Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.235.790.510	8.858.856.099
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 19	45.242.046.869 (54.332.760)	21.294.333.303 (2.177.514.509)
03	Hoàn nhập dự phòng			
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(83.674.286)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(75.086.495.862)	(54.762.098.759)
06	Chi phí lãi vay	30	116.879.992.485	73.739.782.862
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		103.133.326.956	46.953.358.996
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(197.823.677.489)	43.031.704.687
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(90.040.246)	1.636.983.965
11	Giảm các khoản phải trả		(71.396.338.869)	(66.838.697.590)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		18.935.466.387	(985.768.268)
14	Tiền lãi vay đã trả		(121.462.923.960)	(69.224.104.028)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22	(1.007.541.760)	(7.494.662.818)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(160.786.819)	(88.141.250)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(269.872.515.800)	(53.009.326.306)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(30.839.407.615)	(247.372.839.683)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		2.132.883.446	1.294.295.657
23	Tiền chi cho vay		(10.492.000.000)	(9.900.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		6.404.000.000	53.788.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		147.060.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.684.557.878	5.432.047.290
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		117.950.033.709	(196.758.496.736)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	26	627.502.724.507	576.223.122.911
34	Tiền trả nợ gốc vay	26	(521.832.444.635)	(351.996.028.722)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	26	(1.664.424.188)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		104.005.855.684	224.227.094.189
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(47.916.626.407)	(25.540.728.853)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		91.142.917.268	77.495.955.875
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		83.674.286	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	43.309.965.147	51.955.227.022

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng



Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống; dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 954 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.155 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty có 5 công ty con trực tiếp và 4 công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết	
				Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
				(%)	(%)
I Công ty con trực tiếp					
1	Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Lâm Đồng	Dịch vụ lưu trú	100,00	100,00
2	Công ty TNHH Du lịch TTC	Khánh Hòa	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	100,00	100,00
3	Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Lâm Đồng	Dịch vụ giải trí và lưu trú	100,00	100,00
4	Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Hồ Chí Minh	Dịch vụ lữ hành	100,00	100,00
5	Công ty TNHH TTC Huế	Thừa Thiên Huế	Dịch vụ lưu trú	100,00	100,00
6	Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan (i)	Lâm Đồng	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-	100,00
II Công ty con gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan (ii)	Hoa Kỳ	Thương mại, dịch vụ	100,00	100,00
2	Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Bình Thuận	Dịch vụ lưu trú	95,69	95,69
3	Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Hồ Chí Minh	Dịch vụ nhà hàng	91,41	91,41
4	Công ty TNHH BVB Bình Thuận	Bình Thuận	Tư vấn pháp lý	100,00	100,00



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- (i) Trong kỳ, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong công ty này. Theo đó, công ty này không còn là công ty con của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 4.1).
- (ii) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 4 công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
				Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
				(%)	(%)	(%)	(%)
1	Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor ("Công ty Vinagolf Angkor")	Campuchia	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	49,00	49,00	49,00	49,00
2	Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre ("Công ty Bến Tre")	Bến Tre	Dịch vụ nhà hàng	42,25	42,25	42,83	42,83
3	Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Công ty Thanh Bình")	Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú	48,54	48,54	48,54	48,54
4	Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng ("Công ty Lâm Công Nghiệp")	Lâm Đồng	Bất động sản	32,14	32,14	32,14	32,14
5	Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú ("Công ty Núi Tà Cú") (i)	Bình Thuận	Dịch vụ giải trí và nhà hàng	4,19	48,66	4,19	48,66

- (i) Trong kỳ, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng một phần khoản đầu tư trong công ty này. Theo đó, công ty này không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 18.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản cố định thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	12 - 39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	3 - 25 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
--------------------------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cản trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê trả trước;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định; và
- ▶ Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ-công ty con (ngoại trừ lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung) được phân bổ vào chi phí trong thời gian 10 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận vào ngày 10 tháng 9 năm 2018 trong thời hạn 33 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

► *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống và vui chơi giải trí. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

4.1 Chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan

Vào ngày 27 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan cho Ông Mai Phước Bình, một cá nhân không liên quan, với tổng giá trị chuyển nhượng là 160.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2024. Theo đó, Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan không còn là công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	4.998.607.525	2.504.425.151
Tiền gửi ngân hàng	27.472.824.505	67.706.229.803
Các khoản tương đương tiền (*)	10.623.847.998	20.509.009.607
Tiền đang chuyển	214.685.119	423.252.707
TỔNG CỘNG	43.309.965.147	91.142.917.268

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,4% đến 4,0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3% đến 4%/năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, toàn bộ các khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 26).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ sáu (6) tháng đến mười ba (13) và hưởng lãi suất áp dụng từ 4,5% đến 5,2%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	175.650.304.396	96.722.385.297
Phải thu từ các bên khác	127.378.103.662	15.323.210.025
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Tín	94.924.950.000	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý		
Khu công nghiệp Đặng Huỳnh	12.440.742.800	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.012.410.862	15.323.210.025
TỔNG CỘNG	303.028.408.058	112.045.595.322
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(1.264.230.101)	(1.264.230.101)
GIÁ TRỊ THUẦN	301.764.177.957	110.781.365.221

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	1.264.230.101	2.198.175.672
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	505.777.949
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(1.574.257.882)
Số cuối kỳ	1.264.230.101	1.129.695.739

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho các bên khác	27.169.863.794	84.950.405.927
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng		
Toàn Thịnh Phát	10.211.011.043	10.211.011.043
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	-	11.000.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	16.958.852.751	63.739.394.884
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	76.863.052.510	23.447.276.901
TỔNG CỘNG	104.032.916.304	108.397.682.828
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(2.267.737.250)	(2.334.537.250)
GIÁ TRỊ THUẦN	101.765.179.054	106.063.145.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	2.334.537.250	1.999.893.460
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(66.800.000)	(134.315.460)
Số cuối kỳ	<u>2.267.737.250</u>	<u>1.865.578.000</u>

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	86.918.000.000	85.830.000.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	70.418.000.000	69.330.000.000
Các bên khác (*)	16.500.000.000	16.500.000.000
Dài hạn	42.000.000.000	42.000.000.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	42.000.000.000	42.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>128.918.000.000</u>	<u>127.830.000.000</u>

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và được đảm bảo bằng 2.300.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công. Chi tiết như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
	VND		
Bà Triệu Phi Yến	<u>16.500.000.000</u>	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2025 đến ngày 8 tháng 5 năm 2025	10,6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	379.181.584.940	259.976.964.436
Ký quỹ	235.495.500.000	138.545.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	40.021.520.516	57.546.984.798
Thu chi hộ	53.006.415.526	23.311.716.917
Lãi tiền gửi và lãi cho vay phải thu	22.686.373.014	16.990.969.764
Doanh thu theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (*)	11.993.305.479	9.952.554.519
Khác	15.978.470.405	13.629.738.438
Dài hạn	64.093.927.312	52.718.115.648
Góp vốn Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (*)	34.750.000.000	34.750.000.000
Đặt cọc	29.343.927.312	17.968.115.648
TỔNG CỘNG	443.275.512.252	312.695.080.084
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(2.239.794.809)	(2.227.327.569)
GIÁ TRỊ THUẦN	441.035.717.443	310.467.752.515
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	303.419.583.004	196.460.475.373
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	102.866.134.439	79.257.277.142
<i>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	34.750.000.000	34.750.000.000

(*) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-ĐT ký ngày 12 tháng 12 năm 2019 và theo Phụ lục Số 1003/2023 ký ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa Nhóm Công ty và Công ty Đồng Thuận để hoàn thiện việc xây dựng Khu nghỉ dưỡng TTC Resort Ninh Thuận. Theo đó, Nhóm Công ty góp 34.750.000.000 VND và sẽ được hưởng 40% tổng doanh thu hàng tháng của Khu nghỉ dưỡng TTC Resort Ninh Thuận.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	2.227.327.569	2.598.790.058
Dự phòng trích lập trong kỳ	12.467.240	38.360.000
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(409.822.489)
Số cuối kỳ	<u>2.239.794.809</u>	<u>2.227.327.569</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Nguyên vật liệu	5.389.070.239	5.750.329.419
Hàng hóa	1.445.974.906	1.627.581.892
Công cụ, dụng cụ	1.052.694.157	1.219.409.593
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.285.284.651	480.153.657
Thành phẩm	13.014.910	18.524.056
TỔNG CỘNG	<u>9.186.038.863</u>	<u>9.095.998.617</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	3.584.174.966	11.268.838.341
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.652.241.541	1.950.047.112
Chi phí bảo hiểm	587.091.400	289.039.101
Chi phí sửa chữa	500.493.424	831.974.675
Lãi vay trả trước	-	7.745.617.637
Chi phí thuê đất	78.967.200	78.967.200
Khác	765.381.401	373.192.616
Dài hạn	67.044.332.247	78.295.135.259
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	54.644.284.788	66.418.727.789
Chi phí sửa chữa	6.151.133.081	4.712.451.682
Tiền thuê đất trả trước	3.254.437.225	3.343.940.321
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận	2.589.307.122	3.452.409.492
Khác	405.170.031	367.605.975
TỔNG CỘNG	<u>70.628.507.213</u>	<u>89.563.973.600</u>



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.113.594.673.793	177.567.188.258	53.787.609.054	8.032.589.331	22.163.296.551	2.375.145.356.987
Mua trong kỳ	240.000.000	619.376.221	-	-	155.723.000	1.015.099.221
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.526.253.236	1.742.570.845	477.274.000	-	-	11.746.098.081
Thanh lý trong kỳ	-	(1.935.724.651)	(2.006.425.672)	(492.126.500)	-	(4.434.276.823)
Xóa sổ	(50.165.136)	(36.107.870)	-	-	-	(86.273.006)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.123.310.761.893	177.957.302.803	52.258.457.382	7.540.462.831	22.319.019.551	2.383.386.004.460
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	26.424.667.313	51.863.547.108	5.600.116.883	2.419.915.205	9.799.645.673	96.107.892.182
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	348.221.276.885	104.678.455.002	34.402.575.179	5.782.165.228	18.379.060.899	511.463.533.193
Khấu hao trong kỳ	32.554.398.417	4.047.965.974	2.091.405.719	226.354.510	1.689.378.487	40.609.503.107
Thanh lý trong kỳ	-	(1.717.436.655)	(1.119.846.179)	(48.358.435)	-	(2.885.641.269)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	380.775.675.302	107.008.984.321	35.374.134.719	5.960.161.303	20.068.439.386	549.187.395.031
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.765.373.396.908	72.888.733.256	19.385.033.875	2.250.424.103	3.784.235.652	1.863.681.823.794
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.742.535.086.591	70.948.318.482	16.884.322.663	1.580.301.528	2.250.580.165	1.834.198.609.429
Trong đó:						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 26)	1.500.999.698.151	40.687.829.891	3.260.856.364	1.075.525.376	285.435.434	1.546.309.345.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>
	<i>Máy móc và thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Thuê trong kỳ	<u>4.058.377.778</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>4.058.377.778</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Khấu hao trong kỳ	<u>3.381.982</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>3.381.982</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>-</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>4.054.995.796</u>

Công ty TNHH Du lịch TTC, một công ty con của Nhóm Công ty, hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng thuê tài chính, Nhóm Công ty có thể mua lại tài sản thuê khi thời gian thuê hết hạn hoặc Nhóm Công ty trả nợ trước hạn. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong *Thuyết minh 26.5*.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	230.231.425.062	13.154.474.881	778.308.995	244.164.208.938
Mua trong kỳ	-	3.672.500.000	-	3.672.500.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	230.231.425.062	16.826.974.881	778.308.995	247.836.708.938
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	1.098.000.000	1.344.257.000	-	2.442.257.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	40.154.910.422	3.941.765.869	523.423.255	44.620.099.546
Hao mòn trong kỳ	2.834.538.017	798.492.683	20.091.169	3.653.121.869
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	42.989.448.439	4.740.258.552	543.514.424	48.273.221.415
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	190.076.514.640	9.212.709.012	254.885.740	199.544.109.392
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	187.241.976.623	12.086.716.329	234.794.571	199.563.487.523
Trong đó:				
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 26)	54.775.479.290	-	-	54.775.479.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 6.799.814.073 VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 23.707.801.506 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay trực tiếp nhằm tài trợ cho chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dự án sáp nhập Khu du lịch Thung lũng tình yêu		
– Đồi Mộng Mơ – Đồi Thống Nhất	335.055.605.092	299.053.700.483
Chi phí đền bù	143.356.438.000	143.356.438.000
Chi phí thuê đất	66.944.742.416	59.540.711.663
Chi phí quy hoạch	35.202.932.542	35.202.932.542
Chi phí tư vấn	45.645.267.522	24.868.406.488
Chi phí lãi vay	26.324.778.543	20.908.054.635
Chi phí lương	10.261.022.808	8.281.404.683
Khác	7.320.423.261	6.895.752.472
Dự án Resort TTC Kê Gà	35.216.455.592	35.216.455.592
Dự án bến thuyền	3.943.891.162	7.483.950.210
Đường dân sinh tránh khu du lịch	3.784.992.008	3.784.992.008
Khác	16.789.795.216	13.784.894.167
TỔNG CỘNG	<u>394.790.739.070</u>	<u>359.323.992.460</u>

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 18.1)	229.331.734.574	307.117.793.428
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 18.2)	106.955.017.810	218.329.239.783
TỔNG CỘNG	<u>336.286.752.384</u>	<u>525.447.033.211</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.037.679.783)	(2.037.679.783)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>334.249.072.601</u>	<u>523.409.353.428</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Công ty Thanh Bình")	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	171.085.620.405	48,54	170.933.719.262	48,54
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre ("Công ty Bến Tre")	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	38.810.807.141	42,83	41.635.533.961	42,83
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor ("Vinagolf Angkor")	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu hành	9.956.986.397	49,00	10.821.287.931	49,00
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng ("Công ty Lâm Công Nghiệp")	Đang hoạt động	Nhà hàng	9.478.320.631	32,14	10.102.360.694	32,14
Công ty Núi Tà Cú (i)	Đang hoạt động	Năng lượng mặt trời	-	-	73.624.891.580	48,66
TỔNG CỘNG			229.331.734.574		307.117.793.428	

- (i) Vào ngày 27 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần, tương đương 44,46% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Núi Tà Cú cho một bên thứ ba với tổng giá trị chuyển nhượng là 99.900.000.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với tổng giá trị là 35.730.025.383 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Công ty Núi Tà Cú giảm từ 48,66% xuống 4,19% và Công ty Núi Tà Cú không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau (tiếp theo):

	Công ty Vinagolf Angkor	Công ty Bến Tre	Lâm Công Nghiệp	Công ty Núi Tà Cú	Công ty Thanh Bình	Tổng cộng	VND
Giá gốc đầu tư:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	24.772.623.055	43.270.650.530	5.016.947.142	77.926.351.852	170.416.805.000	321.403.377.579	
Giảm trong kỳ	-	-	-	(77.926.351.852)	-	(77.926.351.852)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	24.772.623.055	43.270.650.530	5.016.947.142	-	170.416.805.000	243.477.025.727	
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(13.951.335.124)	(1.635.116.569)	5.085.413.552	(4.301.460.272)	516.914.262	(14.285.584.151)	
Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết	(864.301.534)	(2.824.726.820)	(624.040.063)	(2.742.565.111)	151.901.143	(6.903.732.385)	
Giảm trong kỳ	-	-	-	7.044.025.383	-	7.044.025.383	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(14.815.636.658)	(4.459.843.389)	4.461.373.489	-	668.815.405	(14.145.291.153)	
Giá trị còn lại							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	10.821.287.931	41.635.533.961	10.102.360.694	73.624.891.580	170.933.719.262	307.117.793.428	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	9.956.986.397	38.810.807.141	9.478.320.631	-	171.085.620.405	229.331.734.574	

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
			Giá trị ghi sổ	Dự phòng	% sở hữu	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	% sở hữu
			VND			VND		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Sơn Nhất	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	62.620.000.000	-	9,9	62.620.000.000	-	9,9
Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận ("Công ty Năng lượng Sạch") (i)	Đang hoạt động	Năng lượng mặt trời	35.463.176.175	-	14,2	47.903.045.000	-	19,18
Công ty Núi Tà Cú (Thuyết minh số 18.1)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	6.712.351.852	-	4,19	-	-	-
Công ty Đồng Thuận	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	2.037.679.783	(2.037.679.783)	-	2.037.679.783	(2.037.679.783)	3,39
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	Đang hoạt động	Kinh doanh đồ uống	121.810.000	-	0,2	121.810.000	-	0,2
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh (ii)	Đang hoạt động	Khai thác và quản lý khu công nghiệp	-	-	-	105.646.705.000	-	4,04
TỔNG CỘNG			106.955.017.810	(2.037.679.783)		218.329.239.783	(2.037.679.783)	

(i) Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 1.165.300 cổ phần, tương đương 4,98% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Năng lượng Sạch cho một bên thứ ba với tổng giá trị chuyển nhượng là 12.440.742.800 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ với tổng giá trị là 873.975 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty này giảm từ 19,18% xuống 14,20%.

(ii) Vào ngày 27 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên thứ ba, với tổng giá trị chuyển nhượng là 141.924.950.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ với tổng giá trị là 36.278.245.000 VND.

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 18.998.310.977

Giá trị phân bổ lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 10.194.190.815
Phân bổ trong kỳ (976.039.911)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 11.170.230.726

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 8.804.120.162

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 7.828.080.251

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	120.895.094.163	99.083.277.605
Phải trả cho các bên khác	87.955.327.929	86.709.739.507
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương</i>	5.700.000.000	-
<i>Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC</i>		
<i>Sài Gòn</i>	5.362.935.427	8.862.935.427
<i>Khác</i>	76.892.392.502	77.846.804.080
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 35</i>)	32.939.766.234	12.373.538.098
Dài hạn	25.099.941.069	56.234.346.072
Công ty Cổ phần Khách sạn Hoàng Cung	25.099.941.069	56.234.346.072
TỔNG CỘNG	<u>145.995.035.232</u>	<u>155.317.623.677</u>

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	44.952.597.348	58.761.098.313
Các bên khác	23.914.803.348	30.418.176.687
<i>Công ty Cổ phần Tiêu dùng Biên Hòa</i>	9.000.000.000	9.000.000.000
<i>Bà Huỳnh Thị Xuân Chinh</i>	1.260.470.000	3.072.845.002
<i>Khác</i>	13.654.333.348	18.345.331.685
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 35</i>)	21.037.794.000	28.342.921.626
Dài hạn	4.746.250.000	4.860.160.000
Bà Huỳnh Thị Loan	4.746.250.000	4.860.160.000
TỔNG CỘNG	<u>49.698.847.348</u>	<u>63.621.258.313</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20.009.977.481	15.538.993.313	(1.007.541.760)	34.541.429.034
Thuế nhà đất	19.984.232.705	18.498.758.607	(28.816.093.921)	9.666.897.391
Thuế giá trị gia tăng	21.377.516.120	31.486.002.421	(43.303.557.896)	9.559.960.645
Thuế thu nhập cá nhân	1.918.489.446	3.945.323.692	(3.354.712.204)	2.509.100.934
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.718.958	171.166.539	(157.439.562)	51.445.935
Thuế tài nguyên	1.307.676	-	-	1.307.676
Thuế khác	121.849.559	857.511.282	(870.734.979)	108.625.862
TỔNG CỘNG	63.451.091.945	70.497.755.854	(77.510.080.322)	56.438.767.477
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	94.520.557.829	15.680.466.278	(21.991.333.733)	88.209.690.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.546.337	-	-	6.546.337
Thuế thu nhập cá nhân	5.003.181	-	(5.003.181)	-
Thuế khác	39.901.550	-	(4.931.800)	34.969.750
TỔNG CỘNG	94.572.008.897	15.680.466.278	(22.001.268.714)	88.251.206.461

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đang ghi nhận khoản thuế phải nộp quá hạn ở công ty mẹ và các công ty con với số tiền là 19.829.817.679 VND.

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí lãi vay	29.061.144.682	29.823.092.846
Trích trước chi phí công trình	14.716.084.854	14.716.084.854
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	1.299.954.063	2.087.225.786
Thù lao HĐQT, lương tháng 13 và thưởng	-	908.416.000
Khác	5.226.038.231	895.200.793
TỔNG CỘNG	50.303.221.830	48.430.020.279

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Đây là các khoản tiền nhận trước từ khách hàng liên quan tới việc cung cấp dịch vụ lưu trú của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	82.579.694.150	56.696.250.104
Lãi vay phải trả	36.819.561.665	34.509.275.617
Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác (i)	21.567.294.565	-
Phí phục vụ	5.485.777.743	7.957.608.213
Nhận ký quỹ	6.961.244.590	6.925.244.590
Khác	11.745.815.587	7.304.121.684
Dài hạn	96.894.280.000	128.145.514.013
Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác (ii)	92.350.000.000	92.350.000.000
Chi phí hợp tác kinh doanh (i)	-	32.542.294.565
Nhận ký quỹ	4.544.280.000	3.253.219.448
TỔNG CỘNG	179.473.974.150	184.841.764.117
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>84.233.004.038</i>	<i>113.121.314.874</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	<i>46.350.000.000</i>	<i>46.350.000.000</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	<i>48.890.970.112</i>	<i>25.370.449.243</i>

(i) Đây là khoản vốn góp theo Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Số 01/2022/HDHTKD/TTCHUE-DAITIN ký với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín ngày 20 tháng 6 năm 2022 để cùng sửa chữa Khách sạn Hoàng Cung tại Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

(ii) Đây là các khoản vốn góp theo các Thỏa thuận Hợp tác Góp vốn đầu tư, bao gồm:

- ▶ khoản vốn góp nhận từ Công ty Thanh Bình với tổng giá trị là 46.350.000.000 VND theo Thỏa thuận Hợp tác Góp vốn Đầu tư Số 261/2022/HĐHTKD/TTC-TB ký ngày 1 tháng 12 năm 2022 để đầu tư và phát triển kinh doanh dự án Khách sạn TTC Cần Thơ và TTC Đà Lạt. Theo đó, các bên được chia sẻ lợi nhuận theo từng kỳ phân chia, dựa theo hiệu quả hoạt động kinh doanh và thỏa thuận thống nhất giữa các bên.
- ▶ khoản vốn góp nhận từ Bà Tạ Thị Phương Trang với tổng giá trị là 46.000.000.000 VND theo Thỏa thuận Hợp tác Góp vốn Đầu tư số 111A/2022/HĐHTKD/TTCLD-CN ký ngày 1 tháng 12 năm 2022 về việc tham gia góp vốn đầu tư vào Khu du lịch Đồi Mộng Mơ và Khu du lịch Thung lũng Tình yêu mà Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng là Chủ đầu tư. Theo đó, bà Tạ Thị Phương Trang được chia sẻ lợi nhuận theo từng kỳ phân chia, dựa theo tiến độ thực hiện dự án và thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Vay trong kỳ	Trả nợ vay	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vay ngắn hạn	373.487.965.479	399.361.521.200	(396.627.795.187)	607.985.323.427	984.207.014.919
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.1)	280.480.005.508	375.876.521.200	(340.581.340.592)	-	315.775.186.116
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	2.200.000.000	5.685.000.000	(2.050.000.000)	-	5.835.000.000
Vay các bên khác (Thuyết minh số 26.2)	4.500.000.000	17.800.000.000	(7.000.000.000)	-	15.300.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 26.3)	86.307.959.971	-	(41.296.454.595)	54.935.611.800	99.947.117.176
Vay dài hạn các bên khác đến hạn trả (Thuyết minh số 26.4)	-	-	-	51.100.000.000	51.100.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 26.5)	-	-	-	590.191.092	590.191.092
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 26.6)	-	-	(5.700.000.000)	501.359.520.535	495.659.520.535
Vay dài hạn	1.853.354.406.072	228.141.203.307	(126.869.073.636)	(607.985.323.427)	1.346.641.212.316
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 26.3)	1.120.583.871.239	99.394.628.129	-	(54.935.611.800)	1.165.042.887.568
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	49.768.104.808	75.189.782.200	(78.180.000.000)	-	46.777.887.008
Vay các bên khác (Thuyết minh số 26.4)	185.865.831.862	44.964.403.901	(47.024.649.448)	(51.100.000.000)	132.705.586.315
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 26.5)	-	4.369.466.705	(1.664.424.188)	(590.191.092)	2.114.851.425
Trái phiếu (Thuyết minh số 26.6)	497.136.598.163	4.222.922.372	-	(501.359.520.535)	-
TỔNG CỘNG	2.226.842.371.551	627.502.724.507	(523.496.868.823)	-	2.330.848.227.235

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 13 và 15)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk				
Khoản vay 1	89.909.968.947	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2024 đến ngày 10 tháng 12 năm 2024	Từ 7,6 đến 7,9	Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân và 3.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI") thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc; 4.500.000 cổ phiếu TTCI thuộc sở hữu của Ông Đặng Hồng Anh
Khoản vay 2	12.595.292.478	Từ ngày 5 tháng 8 năm 2024 đến ngày 10 tháng 12 năm 2024	Từ 7,6 đến 7,9	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC")
Khoản vay 3	2.724.682.783	Từ ngày 6 tháng 9 năm 2024 đến ngày 9 tháng 11 năm 2024	7,6	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	39.842.093.168	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2024 đến ngày 28 tháng 12 năm 2024	Từ 7,0 đến 7,5	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh
Khoản vay 2	34.963.327.508	Từ ngày 8 tháng 7 năm 2024 đến ngày 28 tháng 12 năm 2024	Từ 7,0 đến 7,5	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng ("TTC LD")
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình				
Khoản vay 1	43.989.697.619	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2024 đến ngày 28 tháng 6 năm 2025	Từ 8 đến 9,5	Quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận; 7.000.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng do TTCI phát hành thuộc sở hữu của Ông Đặng Văn Thành; tiền gửi có kỳ hạn của TTC LD

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 13 và 15)
-----------	--------------------------	----------------	------------------	--

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định

Khoản vay 1	32.305.282.910	Từ ngày 8 tháng 7 năm 2024 đến ngày 5 tháng 12 năm 2024	Từ 7,5 đến 7,8	Phương tiện vận tải của Công ty, Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC") và Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú, các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty; 2.700.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hoà phát hành thuộc sở hữu của TTCI
-------------	----------------	---	----------------	--

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận

Khoản vay 1	32.265.955.124	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024	Từ 6,5 đến 7,1	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC
-------------	----------------	--	----------------	--

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi

Khoản vay 1	4.298.546.271	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2024 đến ngày 24 tháng 10 năm 2024	Từ 8,5 đến 9,0	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC
Khoản vay 2	997.076.705	Từ ngày 7 tháng 10 năm 2024 đến ngày 25 tháng 10 năm 2024	Từ 8,5 đến 9,0	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC
Khoản vay 3	1.883.262.603	Ngày 14 tháng 9 năm 2024	Từ 8,5 đến 9,0	Tín chấp

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Lâm Đồng

Khoản vay 1	20.000.000.000	Từ ngày 20 tháng 10 năm 2024 đến ngày 31 tháng 11 năm 2024	Từ 8,7 đến 9,2	Quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc sở hữu của TTC LD.
-------------	----------------	--	----------------	---

TỔNG TỌNG **315.775.186.116**



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 Vay ngắn hạn từ các bên khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
Trường Đại học Yersin Đà Lạt					
Khoản vay 1	11.000.000.000	Ngày 4 tháng 12 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	7,0	Tín chấp
Bà Nguyễn Thị Tích Hương					
Khoản vay 1	1.500.000.000	Ngày 30 tháng 8 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	12,11	Tín chấp
Khoản vay 2	2.800.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	12,11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	15.300.000.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 13 và 15)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk					
Khoản vay 1	459.199.796.458	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2024 đến ngày 18 tháng 9 năm 2034	Tài trợ Dự án Dốc Lết	9,5	Dự án Dốc Lết - Giai đoạn 1
Khoản vay 2	11.872.310.715	Từ ngày 19 tháng 6 năm 2025 đến ngày 23 tháng 12 năm 2028	Sửa chữa Khách sạn Cán Thơ, Nhà hàng nướng	Từ 7,9 đến 10,8	Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân và 3.000.000 cổ phiếu TTCI thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín					
Khoản vay 1	474.000.000.000	Từ ngày 10 tháng 8 năm 2024 đến ngày 10 tháng 5 năm 2038	Tài trợ đầu tư dự án khách sạn Hoàng Cung	12,0	Quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc sở hữu của TTC LD
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình					
Khoản vay 1	129.871.799.623	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2024 đến ngày 25 tháng 6 năm 2032	Sửa chữa và duy trì Trung lũng Tinh Yếu, Đồi Mộng Mơ	Từ 9,5 đến 12,0	Quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận; 7.000.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng do TTCI phát hành thuộc sở hữu của ông Đặng Văn Thành; tiền gửi có kỳ hạn của TTC LD

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 13 và 15)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa					
Khoản vay 1	97.002.911.197	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 30 tháng 12 năm 2029	Trả nợ vay dài hạn cho Công ty	10,0	Quyền sở hữu công trình trên đất và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Đồng Thuận

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Khoản vay 1	81.491.698.932	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2024 đến ngày 26 tháng 7 năm 2030	Thực hiện dự án gói vé 250k, mua khách sạn Hội An, hoàn vốn xây dựng cơ bản Khách sạn Ngọc Lan, đầu tư Khu du lịch Thung Lũng Tinh Yếu	Từ 9,5 đến 11,0	Quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc sở hữu của TTC LD
-------------	----------------	---	--	-----------------	--

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận

Khoản vay 1	11.297.471.819	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tài trợ dự án TTC Palace Bình Thuận	Từ 9,0 đến 9,3	Quyền sở hữu công trình trên đất và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của DL TTC
-------------	----------------	--	-------------------------------------	----------------	--

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa

Khoản vay 1	254.016.000	Từ ngày 20 tháng 9 năm 2024 đến ngày 1 tháng 12 năm 2028	Mua tài sản	8,0	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của TTC DL
-------------	-------------	---	-------------	-----	---

TỔNG CỘNG 1.264.990.004.744

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	99.947.117.176
Vay dài hạn	1.165.042.887.568

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn các bên khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Nhân viên công ty					
Khoản vay 1	114.705.586.315	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Tài trợ vốn lưu động	Từ 10,0 đến 12,0	Tín chấp
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công					
Khoản vay 1	30.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tín chấp
Bà Nguyễn Thị Tích Hương					
Khoản vay 1	21.100.000.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	12,11	Tín chấp
Bà Tạ Thị Phương Trang					
Khoản vay 1	15.000.000.000	Ngày 10 tháng 3 năm 2028	Tài trợ vốn lưu động	9,0	Tín chấp
Trường Đại học Yersin Đà Lạt					
Khoản vay 1	<u>3.000.000.000</u>	Ngày 31 tháng 5 năm 2026	Tài trợ vốn lưu động	8,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>183.805.586.315</u>				

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 51.100.000.000
Vay dài hạn 132.705.586.315

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.5 Nợ thuế tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả					
Từ 1 năm trở xuống	782.179.982	191.988.890	590.191.092	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1 đến 5 năm	2.425.502.145	310.650.720	2.114.851.425	-	-
TỔNG CỘNG	3.207.682.127	502.639.610	2.705.042.517	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.6 Trái phiếu doanh nghiệp

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích phát hành	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 13)
	VND				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	Ngày 4 tháng 1 năm 2025	Trả nợ vay, cấp khoản vay cho công ty con, công ty liên kết	Từ 12,78 đến 13,78	Bất động sản và đồng sản, quyền tài sản và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty, DL TTC, phần vốn góp tại DL TTC, Quyền tài sản Thung lũng tinh yêu
Chi phí phát hành trái phiếu	(4.340.479.465)				
TỔNG CỘNG	495.659.520.535				
Trong đó:					
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	495.659.520.535				
Trái phiếu dài hạn	-				

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023									
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	69.865.775	6.749.515.451	1.367.003.263	7.326.202.593	2.408.654.704	1.115.714.958.200
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.249.609.812	(140.018.126)	1.109.591.686
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	69.865.775	6.749.515.451	1.367.003.263	8.575.812.405	2.268.636.578	1.116.824.549.886
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024									
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	69.865.775	6.749.515.451	1.367.003.263	10.653.745.023	2.475.187.830	1.119.109.033.756
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.208.076.701	(216.851.814)	991.224.887
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	69.865.775	6.749.515.451	1.367.003.263	11.861.821.724	2.258.336.016	1.120.100.258.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	<u>972.766.080.000</u>	<u>972.766.080.000</u>
Cổ tức đã trả	-	-

27.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>(cổ phiếu)</i>	<i>(cổ phiếu)</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>97.276.608</i>	<i>97.276.608</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>97.276.608</i>	<i>97.276.608</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

27.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.208.076.701	1.249.609.812
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	1.208.076.701	1.249.609.812
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>97.276.608</u>	<u>97.276.608</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>12</u>	<u>13</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Tổng doanh thu	377.968.144.287	306.318.606.829
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu về cung cấp dịch vụ	358.347.875.204	280.266.398.866
Doanh thu về bán hàng	19.620.269.083	24.139.002.519
Doanh thu về cho thuê hoạt động	-	81.818.180
Doanh thu khác	-	1.831.387.264
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	377.968.144.287	306.318.606.829
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	358.347.875.204	280.266.398.866
Doanh thu thuần về bán hàng	19.620.269.083	24.139.002.519
Doanh thu thuần về cho thuê hoạt động	-	81.818.180
Doanh thu thuần khác	-	1.831.387.264
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	333.172.050.500	288.296.823.160
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	44.796.093.787	18.021.783.669

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	72.026.019.227	39.600.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.379.961.128	6.682.292.641
Khác	86.550.734	2.830.627
TỔNG CỘNG	81.492.531.089	46.285.123.268

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	244.773.786.467	191.839.847.671
Giá vốn hàng bán	17.179.742.017	22.750.425.150
Khác	-	234.413.611
TỔNG CỘNG	261.953.528.484	214.824.686.432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	116.879.992.485	73.739.782.862
Chi phí phát hành trái phiếu	4.557.031.959	4.541.529.678
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(603.256.627)
Chi phí khác	31.117	2.259.348
TỔNG CỘNG	<u>121.437.055.561</u>	<u>77.680.315.261</u>

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí bán hàng	15.467.936.970	15.847.799.167
Chi phí nhân viên	5.759.002.904	5.867.745.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.257.538.824	3.649.784.084
Chi phí quảng cáo	908.076.235	2.060.834.138
Chi phí khấu hao và hao mòn	87.716.978	73.963.476
Chi phí hoa hồng	1.369.845.348	1.033.054.474
Chi phí khác	2.085.756.681	3.162.417.841
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.981.141.303	42.649.727.720
Chi phí nhân viên	23.243.142.962	29.227.251.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.208.801.859	5.289.225.824
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	4.329.017.066	3.012.282.321
Chi phí khác	8.200.179.416	5.120.967.678
TỔNG CỘNG	<u>53.449.078.273</u>	<u>58.497.526.887</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thu nhập khác	2.791.531.402	928.736.604
Phiếu sử dụng dịch vụ hết hạn	1.913.034.327	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	602.769.552	105.897.486
Bồi thường thanh lý hợp đồng	-	500.000.000
Khác	275.727.523	322.839.118
Chi phí khác	2.273.021.565	2.150.888.140
Các khoản phạt	1.485.785.829	1.845.988.015
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	584.247.892	-
Khác	202.987.844	304.900.125
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẬN	<u>518.509.837</u>	<u>(1.222.151.536)</u>

33. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.105.427.792	99.099.346.573
Chi phí nhân viên	85.885.045.932	79.014.866.048
Chi phí nguyên vật liệu	64.558.977.273	54.448.750.734
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (Thuyết minh số 13, 14, 15 và 19)	45.242.046.869	21.294.333.303
Chi phí khác	18.611.108.891	19.464.916.661
TỔNG CỘNG	<u>315.402.606.757</u>	<u>273.322.213.319</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.538.993.313	8.150.833.903
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(294.427.690)	(401.569.490)
TỔNG CỘNG	15.244.565.623	7.749.264.413

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.235.790.510	8.858.856.099
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	3.247.158.102	4.503.174.884
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được trừ	11.711.138.060	3.746.550.566
Phần lỗ (lãi) từ công ty liên kết	1.380.746.477	(1.695.961.224)
Các chi phí khác không được trừ	466.739.524	980.024.382
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ chuyển sang các năm sau	755.777	269.489.739
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	172.860.307	217.702.821
Chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	8.747.556
Lỗ năm trước chuyển sang	(326.027.547)	(280.464.311)
Chênh lệch từ chuyển nhượng công ty liên kết	(1.408.805.077)	-
Chi phí thuế TNDN	15.244.565.623	7.749.264.413



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

34.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ hiện hành và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
	VND			
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	2.638.816.043	2.615.430.997	23.385.046	-
Chi phí phải trả	1.052.744.990	954.287.066	98.457.924	228.984.770
Khác	186.975.342	186.975.342	-	-
	3.878.536.375	3.756.693.405	121.842.970	228.984.770
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý trong hợp nhất kinh doanh	25.307.572.778	25.480.157.498	(172.584.720)	(172.584.720)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	5.162.454.119	5.162.454.119	-	-
Khác	(1.676.459.366)	(1.676.459.366)	-	-
	28.793.567.531	28.966.152.251	(172.584.720)	(172.584.720)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(24.915.031.156)	(25.209.458.846)		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			294.427.690	401.569.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.4 Lỗ chuyển sang từ các kỳ trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 15.816.242.275 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15.813.934.232 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Không được chuyển lỗ	VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
2019	2024	20.706.669.861	(12.579.346.774)	-	8.127.323.087
2020	2025	2.510.994.187	-	-	2.510.994.187
2021	2026	14.405.868.564	(12.505.606.831)	-	1.900.261.733
2022	2027	2.262.973.062	-	-	2.262.973.062
2023	2028	1.012.382.163	-	-	1.012.382.163
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	2029	2.308.043	-	-	2.308.043
TỔNG CỘNG		40.901.195.880	(25.084.953.605)	-	15.816.242.275

Lỗ tính thuế ước tính theo các tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗ chuyển sang các kỳ sau do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

34.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho kỳ hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang kỳ sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang kỳ sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2024	VND
					Chi phí lãi vay chưa được trừ sang năm sau tại ngày 30/6/2024
2021	2026 (i)	5.965.102.085	-	-	5.965.102.085
2022	2027 (i)	29.000.442.258	-	-	29.000.442.258
2023	2028 (i)	35.174.250.914	-	-	35.174.250.914
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	2029 (i)	57.954.453.535	-	-	57.954.453.535
TỔNG CỘNG		128.094.248.792	-	-	128.094.248.792

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 128.094.248.792 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 70.139.795.257 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor ("Công ty Vinagolf Angkor")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Công ty Thanh Bình")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre ("Công ty Bến Tre")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng ("Công ty Lâm Công Nghiệp")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú ("Công ty Núi Tà Cú")	Công ty liên kết đến ngày 27 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ("Công ty Đồng Thuận")	Chung thành viên quản lý
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cùng cổ đông lớn
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT
Bà Châu Thị Kim Phước	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT
Bà Trần Thiện Thanh Thùy	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Huỳnh Thị Nga	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	10.018.395.061	54.363.633
	Mua dịch vụ	5.599.260.980	8.898.782.453
	Bán hàng	4.960.813.983	6.424.918.250
	Lãi cho vay	49.428.906	655.742.466
	Phí khác	-	5.130.909
Công ty Đồng Thuận	Cung cấp dịch vụ	13.024.118.667	590.909
	Lãi cho vay	6.363.258.952	4.164.005.919
	Mua dịch vụ	1.692.134.995	5.525.247.462
	Chi phí hợp tác kinh doanh	1.855.228.146	1.641.329.286
	Bán hàng	287.121.742	1.463.181.319
	Dịch vụ khác	5.601.852	-
Công ty Núi Tà Cú	Dịch vụ tư vấn	6.000.000.000	3.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	4.312.062.616	112.196.635
	Mua hàng	345.405.470	277.868.584
	Dịch vụ khác	83.333.333	-
	Bán hàng	24.675.925	1.347.500
	Mua dịch vụ	-	4.691.555.455
	Lãi cho vay	-	141.304.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	20.420.000.000	1.234.908.521
	Cung cấp dịch vụ	10.134.035.718	58.241.692
	Lãi vay	1.288.378.083	40.175.341
	Lãi cho vay	852.772.054	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Chi phí lãi vay	580.377.894	333.446.609
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Lãi cho vay	383.945.207	388.739.728
	Cung cấp dịch vụ	-	181.000.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	118.244.664	3.313.534.012
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Cung cấp dịch vụ	61.397.265	114.654.546
Công ty Lâm Công Nghị	Cung cấp dịch vụ	-	38.316.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Đồng Thuận	Cung cấp dịch vụ	82.469.901.266	18.464.607.863
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	31.350.000.000	31.350.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cung cấp dịch vụ	25.787.637.400	14.712.036.000
Công ty Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ	12.435.104.845	2.774.684.717
Công ty Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	11.016.284.877	1.907.096.490
Công ty Núi Tà Cú	Cung cấp dịch vụ	5.013.870.568	3.954.233.193
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	4.327.845.527	4.667.676.759
Công ty Lâm Công Nghiệp	Cung cấp dịch vụ	2.760.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Cung cấp dịch vụ	249.368.875	64.794.000
Công ty Vinagoft Angkor	Cung cấp dịch vụ	109.881.275	97.256.275
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cung cấp dịch vụ	112.500.761	18.700.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Cung cấp dịch vụ	17.909.002	-
TỔNG CỘNG		<u>175.650.304.396</u>	<u>96.722.385.297</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Mua dịch vụ	31.543.825.356	-
Công ty Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	28.132.967.144	9.545.946.628
Công ty Bến Tre	Mua dịch vụ	10.660.732.823	9.168.306.405
Công ty Đồng Thuận	Mua dịch vụ	2.029.447.187	3.464.024.868
Công ty Thanh Bình	Mua dịch vụ	4.496.080.000	748.220.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Mua dịch vụ	-	325.779.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Mua dịch vụ	-	195.000.000
TỔNG CỘNG		<u>76.863.052.510</u>	<u>23.447.276.901</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)			
Công ty Đồng Thuận	Cho vay	55.918.000.000	55.930.000.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cho vay	12.500.000.000	12.500.000.000
Công ty Bến Tre	Cho vay	2.000.000.000	900.000.000
TỔNG CỘNG		70.418.000.000	69.330.000.000

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm.
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	12.500.000.000	Từ ngày 30 tháng 11 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Từ 11 đến 12,5
Công ty Bến Tre	2.000.000.000	Ngày 28 tháng 6 năm 2025	9,5
TỔNG CỘNG	70.418.000.000		

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu về cho vay dài hạn (**)			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cho vay	42.000.000.000	42.000.000.000

(**) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Đặt cọc	57.500.000.000	57.500.000.000
	Lãi cho vay	2.388.335.623	1.661.082.197
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Thu chi hộ	3.583.702.331	-
Công ty Đồng Thuận	Thu nhập hợp tác kinh doanh	11.993.305.479	9.952.554.519
	Lãi cho vay	11.842.041.065	5.477.458.141
	Thu chi hộ	2.329.370.500	1.835.405.500
Công ty Bến Tre	Thu chi hộ	6.380.374.880	2.653.732.945
	Lãi cho vay	7.301.782	102.336.163
Công ty Núi Tà Cú	Thu chi hộ	5.615.051.016	74.442.472
	Lãi cho vay	-	265.205
Công ty Thanh Bình	Thu chi hộ	373.879.709	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Lãi cho vay	852.772.054	-
TỔNG CỘNG		102.866.134.439	79.257.277.142
Phải thu dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Góp vốn hợp tác kinh doanh	34.750.000.000	34.750.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Bến Tre	Mua dịch vụ	3.038.011.369	4.698.148.790
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	21.945.012.962	2.525.012.962
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Mua dịch vụ	1.900.000.000	1.900.000.000
Công ty Thanh Bình	Mua dịch vụ	945.791.907	1.848.272.046
Công ty Đồng Thuận	Mua dịch vụ	1.164.563.302	914.587.300
Công ty Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	417.747.000	487.517.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Mua dịch vụ	3.528.639.694	-
TỔNG CỘNG		32.939.766.234	12.373.538.098
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	16.133.000.000	19.433.000.000
Công ty Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ	4.901.000.000	8.306.127.626
Công ty Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	3.794.000	603.794.000
TỔNG CỘNG		21.037.794.000	28.342.921.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác	21.567.294.565	-
	Lãi vay	10.363.857.519	6.323.432.269
Công ty Thanh Bình	Lãi vay	12.461.306.682	10.022.208.231
	Thu hộ	636.641.000	615.991.000
Công ty Núi Tà Cú	Lãi vay	2.432.924.183	2.983.427.193
	Thu hộ	195.755.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Lãi vay	533.200.001	2.515.772.601
Công ty Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Lãi vay	427.045.204	1.795.930.134
Công ty Bến Tre	Lãi vay	248.840.685	237.797.260
	Thu hộ	3.000.000	
Công ty Đồng Thuận	Thu hộ	1.285.000	144.000
	Lãi vay	19.820.273	
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh	Lãi vay	-	875.566.965
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Lãi chậm nộp	-	179.590
TỔNG CỘNG		<u>48.890.970.112</u>	<u>25.370.449.243</u>
Phải trả dài hạn khác			
Công ty Thanh Bình	Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác	46.350.000.000	46.350.000.000
Vay ngắn hạn (*)			
Công ty Núi Tà Cú	Vay	4.815.000.000	2.200.000.000
Công ty Đồng Thuận	Vay	550.000.000	-
Công ty Bến Tre	Vay	470.000.000	-
TỔNG CỘNG		<u>5.835.000.000</u>	<u>2.200.000.000</u>
(*) Chi tiết các vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau:			
Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Công ty Núi Tà Cú	4.815.000.000	Ngày 5 tháng 12 năm 2024	12,0
Công ty Đồng Thuận	550.000.000	Ngày 2 tháng 10 năm 2024	12,0
Công ty Bến Tre	470.000.000	Ngày 3 tháng 4 năm 2025	12,0
TỔNG CỘNG	<u>5.835.000.000</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Vay dài hạn (**)			
Công ty Núi Tà Cú	Vay	23.480.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Vay	12.078.104.808	12.078.104.808
Công ty Thanh Bình	Vay	6.979.782.200	1.640.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Vay	3.290.000.000	35.800.000.000
Công ty Lâm Công nghiệp	Vay	950.000.000	2.250.000.000
		46.777.887.008	51.768.104.808

(**) Chi tiết các vay dài hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
	VND			
Công ty Núi Tà Cú	23.480.000.000	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2026 đến ngày 28 tháng 3 năm 2026		9,5
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	12.078.104.808	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2026 đến ngày 27 tháng 4 năm 2026		Từ 9,5 đến 10
Công ty Thanh Bình	6.979.782.200	Từ ngày 9 tháng 4 năm 2026 đến ngày 26 tháng 12 năm 2026		Từ 9,5 đến 10
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	3.290.000.000	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2025 đến ngày 17 tháng 1 năm 2030		10,0
Công ty Lâm Công nghiệp	950.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026		12,0
TỔNG CỘNG	46.777.887.008			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT	675.750.000	971.185.412
Bà Châu Thị Kim Phước	Tổng Giám đốc	845.597.100	838.745.046
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc đến ngày 6 tháng 2 năm 2023	-	307.486.567
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT đến ngày 21 tháng 8 năm 2023	-	96.000.000
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024	-	96.000.000
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024	-	96.000.000
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT	-	96.000.000
Ông Nguyễn Lê Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024 Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024	-	-
Bà Trần Thiện Thanh Thùy	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024	-	-
Bà Huỳnh Thị Nga	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024	-	-
TỔNG CỘNG		1.521.347.100	2.501.417.025

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

36. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	19.641.200.950	16.328.779.090
Từ 1 – 5 năm	76.764.803.798	64.186.783.025
Trên 5 năm	533.078.090.303	466.747.048.923
TỔNG CỘNG	629.484.095.051	547.262.611.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết cho thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	172.000.000	172.000.000
Từ 1 – 5 năm	<u>1.101.810.000</u>	<u>1.101.810.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.273.810.000</u>	<u>1.273.810.000</u>

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Nhóm Công ty đã ký kết một số hợp đồng liên quan đến việc triển khai các dự án công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 ước tính là 48.805.230.723 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 270.589.034.105 VND)

37. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngoại tệ các loại USD	79.537,26	79.514,63

38. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập



Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024